

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm, được coi là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu để bảo đảm an sinh xã hội, vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài của đất nước.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 16/2010/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh, được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và sự phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương nên công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến rõ nét, đa số các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ em đều đạt và vượt so với kế hoạch

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (BVCSTE) của tỉnh vẫn hiện đang có những hạn chế, bất cập cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới, cụ thể:

- Việc thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện nhằm bảo vệ trẻ em ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa có các biện pháp hiệu quả dẫn tới tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước trẻ em vẫn xảy ra với diễn biến phức tạp và nghiêm trọng. Từ năm 2011-2014, có 141 em bị xâm hại, từ năm 2015-2020 có trẻ em bị xâm hại: 200 em (nữ: 199 em; nam: 01 em), trong đó bị bạo lực: 01 em, bị xâm hại tình dục: 193 em, các hành vi xâm hại khác: 06 em. Tình trạng trẻ em bị tai nạn thương tích và tử vong do tai nạn thương tích còn nhiều (từ năm 2016- 2020: có 11.240 em bị tai nạn thương tích và 135 em tử vong do tai nạn thương tích, 6 tháng đầu năm 2021 có 20 em bị tử vong do tai nạn thương tích).

- Hiện nay toàn tỉnh có 303.666 em dưới 16 tuổi, trong đó trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 3.541 trẻ em (chiếm 1,16%) và trẻ em nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt hơn 25.000 em (chiếm 8,17%) trên tổng số trẻ em toàn tỉnh. Đây là khó khăn, thách thức cho công tác BVCSTE của tỉnh trong thời gian tới.

- Hệ thống cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế, công

tác truyền thông, giáo dục chính sách, pháp luật về trẻ em đã được đẩy mạnh nhưng chưa thật sự hiệu quả và thường xuyên; công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Bên cạnh đó giai đoạn 2021- 2025 có rất nhiều các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về công tác BVCSTE, để thực hiện hiệu quả các văn bản trên rất cần sự tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và huy động, vận động sự tham gia của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong toàn xã hội, gia đình và mỗi công dân công việc đảm bảo thực hiện quyền trẻ em.

- Chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE tại cấp xã và cộng tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố còn thấp vì vậy không tạo được động lực và sự thu hút cho lực lượng này (cán bộ làm công tác BVCSTE ở xã, phường, thị trấn hệ số là 0,15 và Cộng tác viên ở thôn, ấp, khu phố là 0,1). Hiện ở một số xã không còn bố trí cộng tác viên làm trẻ em, đội ngũ này không hoạt động gây khó khăn rất lớn cho công tác BVCSTE ở cơ sở.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Cụ thể hóa chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và tỉnh Bình Phước về công tác BVCSTE; từng bước nâng cao chất lượng của chính sách, bảo đảm sự tương đồng với các chính sách xã hội khác; gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tỉnh Bình Phước. Duy trì đảm bảo 100% đối tượng trẻ em được quan tâm, bảo vệ và chăm sóc trong đó đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đủ điều kiện được thụ hưởng kịp thời, đầy đủ các chính sách của Nhà nước và của Tỉnh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền và huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác BVCSTE. Tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, Nhân dân về công tác trẻ em.

- Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh xem xét bố trí nguồn lực cho phù hợp. Bảo đảm tính kế thừa về chính sách trợ giúp đối với trẻ em theo các Nghị quyết của tỉnh tiếp tục được hưởng; đồng thời nghiên cứu mở rộng nhóm đối tượng khó khăn chưa được hưởng chính sách theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

- Đến cuối năm 2020, tổng số trẻ em trên địa bàn tỉnh là 303.666 em chiếm khoảng 30% dân số toàn tỉnh; số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 3.541 trẻ em, trong đó chủ yếu là nhóm trẻ em khuyết tật. Số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khoảng 25.000 trẻ em. Với tổng số trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, rất cần sự đầu tư nguồn lực tương xứng để thực hiện các nhiệm vụ BVCSTE từ tỉnh đến cơ sở. Tuy nhiên thực tế việc bố trí ngân sách địa phương và phân công cán bộ phụ trách công tác BVCSTE chưa được quan tâm đúng mức. Vẫn có một số huyện, thị xã, thành phố quan tâm bố trí kinh phí riêng để thực hiện công tác trẻ em vì vậy việc tổ chức thực hiện công tác BVCSTE hiệu

quả chưa cao.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ từ các huyện, thị xã và thành phố tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 3.541 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (trong đó chủ yếu là trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ em bị bệnh hiểm nghèo ...), 25.000 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Mỗi năm trên địa bàn tỉnh có khoảng 2.500 trẻ em bị tai nạn thương tích (trong đó có khoảng 30 trẻ tử vong). Trong số các trẻ em này có nhiều trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh, dị tật vận động, sút môi – hở hàm ếch, các bệnh về mắt thuộc hộ nghèo, cận nghèo chưa được hỗ trợ phẫu thuật phục hồi chức năng vì gia đình của các cháu này lại rơi vào hoàn cảnh nghèo khó, chi phí điều trị rất tốn kém nên không có khả năng đưa các cháu đi phẫu thuật phục hồi chức năng. Nhóm trẻ em này rất cần được sự quan tâm đặc biệt của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và cộng đồng bảo vệ, chăm sóc, tạo cơ hội tốt nhất cho các em để các em được sống và phát triển một cách toàn diện.

Vì vậy việc trợ giúp các nhóm đối tượng trên không chỉ trông chờ vào sự trợ giúp của các tổ chức, cá nhân có lòng hảo tâm mà rất cần được sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước để thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với các nhóm trẻ em này, giúp cho các em có sức khỏe tốt góp phần giảm gánh nặng cho gia đình và xã hội.

- Mức phụ cấp hỗ trợ đang thực hiện theo Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2011 quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong đó quy định bố trí 01 chức danh cán bộ cấp xã và chế độ cho đội ngũ này là 0.15 hệ số lương cơ bản; bố trí cộng tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố với mức hỗ trợ 0.1 mức lương cơ sở. Mức hỗ trợ này so với hiện nay là rất thấp, không còn phù hợp với tình hình thực tế nên không khuyến khích được đối tượng này hoạt động tích cực.

- Đối tượng bố trí kiêm nhiệm còn chưa phù hợp do địa phương bố trí chức danh Lao động- Thương binh và Xã hội kiêm nhiệm công tác trẻ em mà đội ngũ này thực tế đã quá tải, khó hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao lĩnh vực BVCSTE trong thời gian tới; đội ngũ cộng tác viên thường xuyên thay đổi, biến động.

Vì vậy việc ban hành Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là cơ sở để các ngành và các địa phương bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE theo quy định tại Luật Trẻ em.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Ưu tiên bố trí các nguồn lực cho hoạt động BVCSTE, bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù cho nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn; tăng tỷ lệ bao phủ hỗ trợ chính sách theo tinh thần của Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh

đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 23/QĐ-TTg Ngày 07/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030; đảm bảo thực hiện quyền của trẻ em được quy định tại Luật Trẻ em.

- Chế độ, chính sách đồng nhất, hệ thống trong cùng một văn bản; thuận tiện cho việc hướng dẫn và triển khai thực hiện; rút ngắn các quy trình thủ tục hành chính; thuận tiện trong công tác quản lý, theo dõi, thực hiện.

3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Ngoài các nguồn lực được bố trí hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch theo hệ thống từ Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ để thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp theo tình hình thực tế của tỉnh, cụ thể:

Lý do đề xuất: bố trí ngân sách tỉnh để chủ động hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em sẽ tạo thuận lợi rất lớn trong việc hỗ trợ các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đúng quy định, kịp thời, không phụ thuộc vào nguồn vận động như trước đây.

Ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ khoảng 10.350 trẻ em dưới 16 tuổi thuộc các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Ưu điểm: Hỗ trợ nhanh, kịp thời cho đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, giảm gánh nặng cho ngân sách địa phương. Giảm bớt khó khăn cho trẻ em và gia đình góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Bảo đảm các quyền của trẻ em, giúp các em ổn định cuộc sống, tăng cường vị thế xã hội của đối tượng trong gia đình và cộng đồng. Bảo đảm cho các trẻ em có thêm điều kiện để phát triển toàn diện

Nhược điểm: phát sinh nguồn lực từ ngân sách nhà nước

3.2. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước hàng năm chi phụ cấp cho người kiêm nhiệm công tác BVCSTE tại xã, phường, thị trấn và cộng tác viên BVCSTE ở thôn, ấp, khu phố. Cụ thể:

a. Hỗ trợ ngân sách nhà nước với mức 0,25 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp chính được hưởng (372.500 đồng) cho chức danh kiêm nhiệm công tác BVCSTE trong số công chức, những người hoạt động không chuyên trách, viên chức thuộc quyền quản lý của Chủ tịch UBND cấp xã.

- *Lý do đề xuất:*

Giai đoạn 2010-2020, chức danh kiêm nhiệm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 0,15 mức lương tối thiểu/tháng (*bằng với mức phụ cấp của Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã,*

những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nếu kiêm nhiệm các chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng, Phó Trưởng thôn, ấp, khu phố; Công an viên; chức danh Quân sự (thôn đội trưởng), chức danh trưởng Mặt trận và các chức danh trưởng đoàn thể các chi hội ở thôn, ấp, khu phố; Chức danh Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố kiêm Trưởng hoặc phó Trưởng thôn, ấp, khu phố) quy định tại mục 3, Điều 6, Chương II của Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 của UBND tỉnh Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên và các đối tượng khác công tác trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tuy nhiên, đến nay mức phụ cấp này rất thấp, không còn phù hợp với tình hình thực tế nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất mức phụ cấp kiêm nhiệm công tác BVCSTE cấp xã bằng mức phụ cấp tương ứng của đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố; các đối tượng khác kiêm nhiệm chức danh Trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc kiêm nhiệm chức danh Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố theo quy định tại điểm b, Mục 1, Điều 15 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Ưu điểm:

Phù hợp với quy định yêu cầu phải bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã tại Điều 90 Luật Trẻ em, Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, Thông báo số 324/TB-VPCP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em.

Nếu bố trí đội ngũ này sẽ tạo thuận lợi cho lãnh đạo UBND cấp xã linh hoạt trong việc bố trí người làm công tác trẻ em cấp xã. Chủ tịch UBND cấp xã sẽ tùy tình hình thực tế nhiệm vụ của cán bộ không chuyên trách, từng công chức, viên chức để bố trí chức danh kiêm nhiệm công tác trẻ em cho phù hợp. Mức chi này là phù hợp, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao cho người kiêm nhiệm chức danh BVCSTE, có tác động tích cực, động viên, khuyến khích đối tượng này góp phần thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE.

- Nhược điểm: Tăng chi cho ngân sách nhà nước. Theo đó, nếu áp dụng mức này kinh phí hỗ trợ 01 năm cho 01 người là 4.470.000 đồng, tổng kinh phí cho 111 xã, phường, thị trấn là 496.170.000 đồng/năm.

b. Bố trí chức danh Cộng tác viên Dân số kiêm nhiệm công tác BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố. Đồng thời, được hưởng thêm mức phụ cấp bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng (186.250đ) ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

- Lý do đề xuất: Mức kinh phí hỗ trợ hiện nay rất thấp so với mặt bằng chung; việc bố trí mức phụ cấp căn cứ vào mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của

Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố kiêm nhiệm Trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc kiêm nhiệm Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố.

Phù hợp với quy định tại khoản 3, Mục III, Điều 1 của Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp, quy định "*Triển khai đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ của công tác viên dân số với công tác gia đình, bảo vệ trẻ em*".

- *Ưu điểm:* Không làm phát sinh thêm biên chế; khắc phục được tình trạng địa bàn rộng, dân cư đông vì đối tượng này quản lý theo dân số, hộ gia đình nên sẽ sâu sát địa bàn, giảm gánh nặng chi phí đi lại (tăng về số lượng công tác viên 1.658 người).

Thực hiện đúng chủ trương, mục tiêu của Trung ương và của tỉnh về kiện toàn, tổ chức bộ máy theo cơ chế phối hợp liên ngành theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả (*công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em*) và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- *Nhược điểm:* Nếu áp dụng mức hỗ trợ này ngân sách tỉnh phải tăng thêm 2.964.504.000 đồng/năm. Tức tăng thêm 1.425.036.000đ/năm so với mức hỗ trợ hiện nay là 1.539.468.000 đồng/năm.

4. Đánh giá tác động

a. Tác động về mặt kinh tế

Nhìn chung, giải pháp đề xuất mức hỗ trợ nêu trên sẽ tăng kinh phí so với mức đang thực hiện hỗ trợ (*Dự kiến nhu cầu kinh phí hằng năm là 6.201.800.000 đồng/năm, được bố trí theo quy định phân cấp, quản lý ngân sách Nhà nước. So sánh với kết quả thực hiện trong giai đoạn 2010-2020, nhu cầu kinh phí để thực hiện Nghị quyết mới trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tăng thêm khoảng 4.364.630.000 đồng/năm*). Tuy nhiên qua việc bố trí kinh phí sẽ nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các địa phương. Chính vì vậy công tác BVCSTE sẽ được triển khai đồng bộ và hiệu quả hơn.

b. Tác động về mặt xã hội

Thể hiện sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh đối với việc chăm lo cho trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, phù hợp với nhu cầu và xu thế phát triển của xã hội. Góp phần giảm bớt khó khăn cho các em, xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh cho trẻ em; giảm nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bị tử vong do tai nạn thương tích.

Nếu chính sách được ban hành sẽ kịp thời hỗ trợ, từng bước cải thiện điều kiện sống cho bộ phận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh; phù hợp với nguyện vọng của cử tri; góp phần vào việc xây dựng chính sách an sinh xã hội của tỉnh đảm bảo hiệu quả, phù hợp với chủ trương, quy định của Chính phủ, tạo động lực để ổn định chính trị - xã hội, phát triển bền vững.

c. Tác động về giới

Khi Nghị quyết được thông qua, việc triển khai thực hiện các mục tiêu,

chỉ tiêu của Nghị quyết sẽ giúp cho đối tượng thụ hưởng chính sách là trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, không phân biệt là nam hay nữ đều có cơ hội được hỗ trợ như nhau về chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng, giáo dục, vui chơi giải trí cho trẻ em, hỗ trợ phẫu thuật các loại khuyết tật miễn phí, hỗ trợ học bổng. Giúp các em bình đẳng về cơ hội phát triển và phục hồi.

d. Tác động của thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phù hợp, tác động tích cực thúc đẩy hỗ trợ thực hiện quyền trẻ em theo quy định tại Luật Trẻ em năm 2016; phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội (*Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)*) cũng như tuân thủ Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

III. Lấy ý kiến đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

Việc lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách “Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030” được đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Website của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thực hiện bằng văn bản đề nghị các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đóng góp ý kiến.

Các ý kiến góp ý sẽ được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình bằng văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo đường công văn hoặc qua thư điện tử.

IV. Giám sát và đánh giá

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của về Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh (b/cáo);
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT; QLLVXH (Tr-01)

GIÁM ĐỐC